FireAnt

CTCP Cao su Phước Hòa (HSX: PHR)

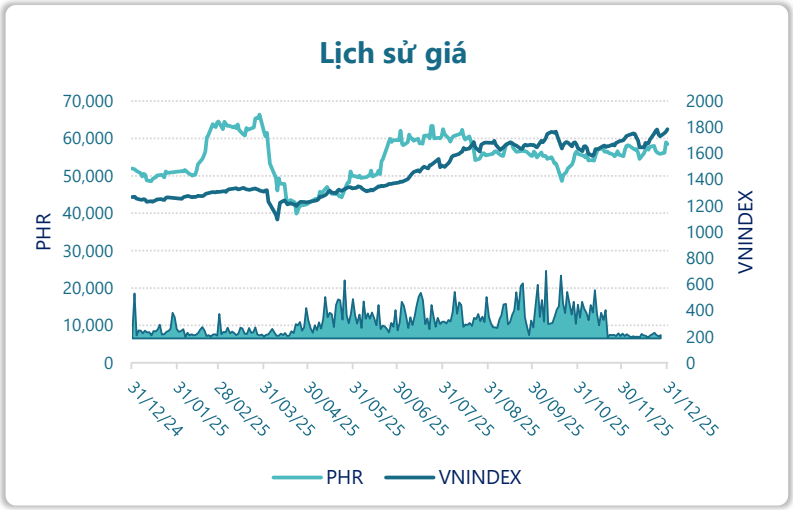

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**58,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	66,381
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	39,877
SL cổ phiếu LH	135,499,198
KLGD BQ 20 phiên (CP)	318,935
% sở hữu nước ngoài	13.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,927
P/E	15.4
EPS	3,789

DT thuần

Q4/25

499

tỷ VNĐ

QoQ: ▼118| -19.2%

YoY: ▼127| -20.3%

LN sau thuế

Q4/25

70.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼195| -73.5%

YoY: ▼172| -71.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

35.3%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

2025

1,795

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 162| 9.9%

LN sau thuế

2025

532

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.0| 10.2%

ROE

2025

12.6%

+/- YoY: ▲ 0.7%

Kết quả kinh doanh

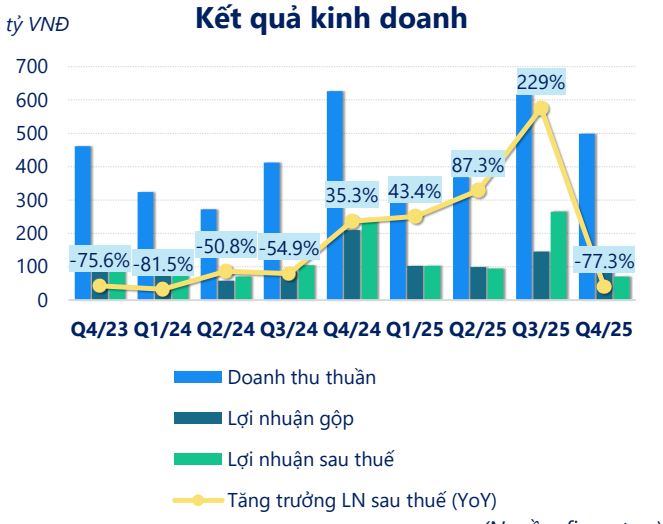

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

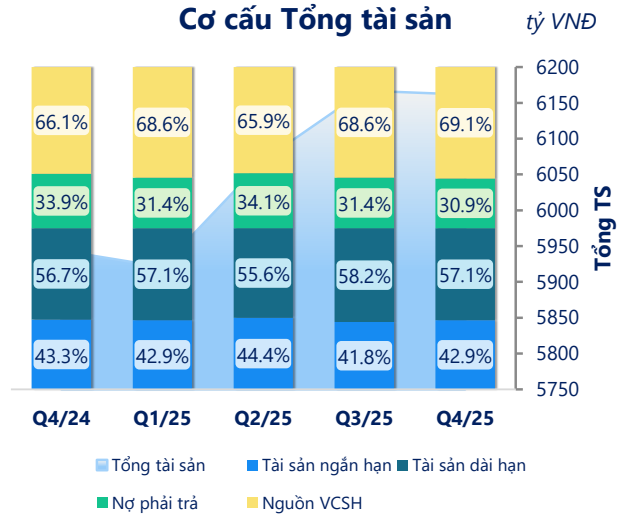

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

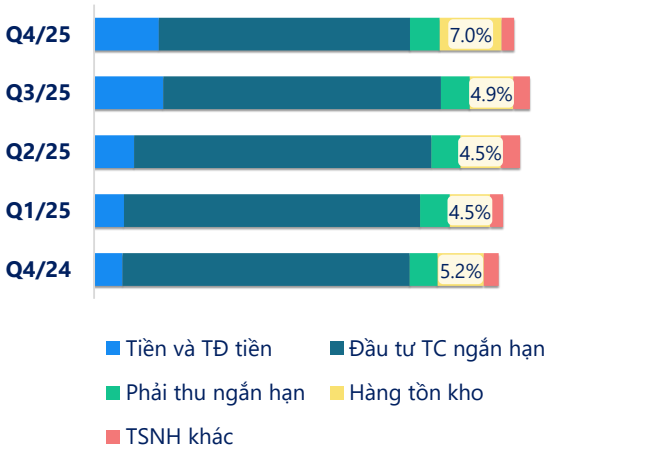

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

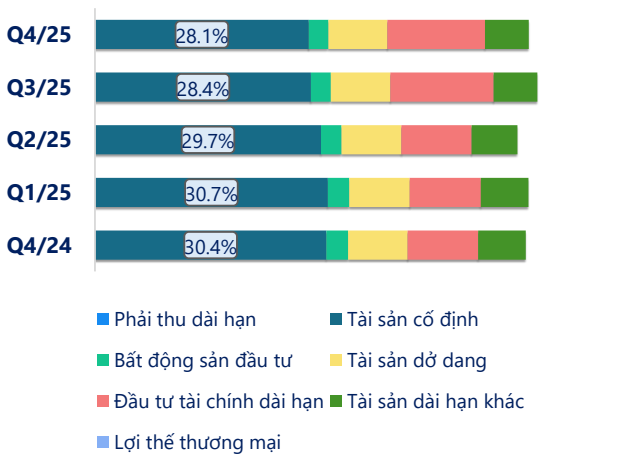

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

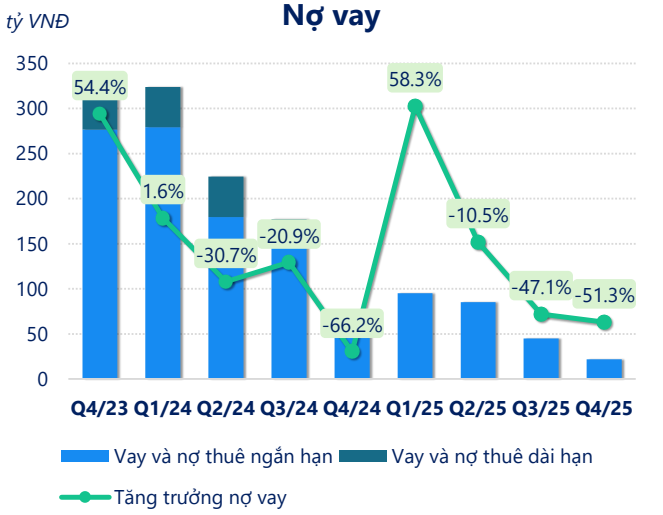

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

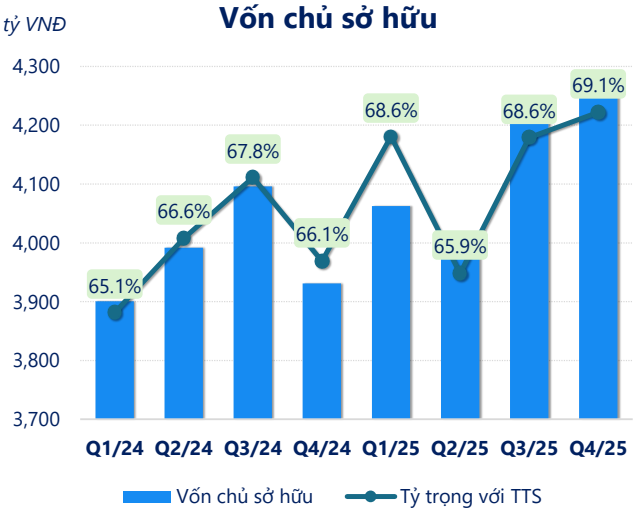

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

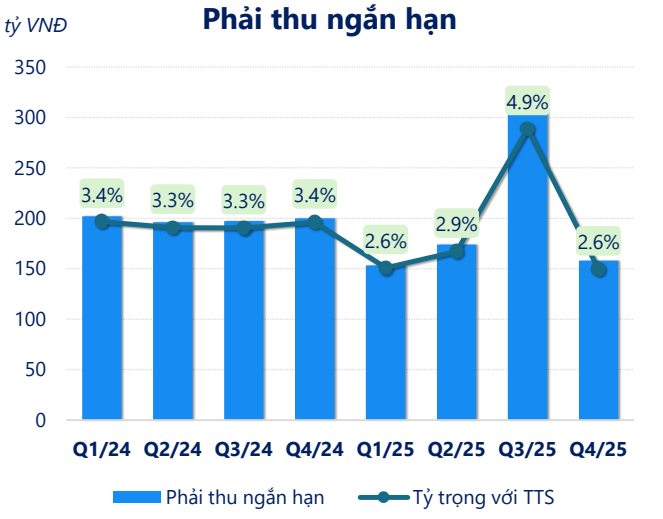

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

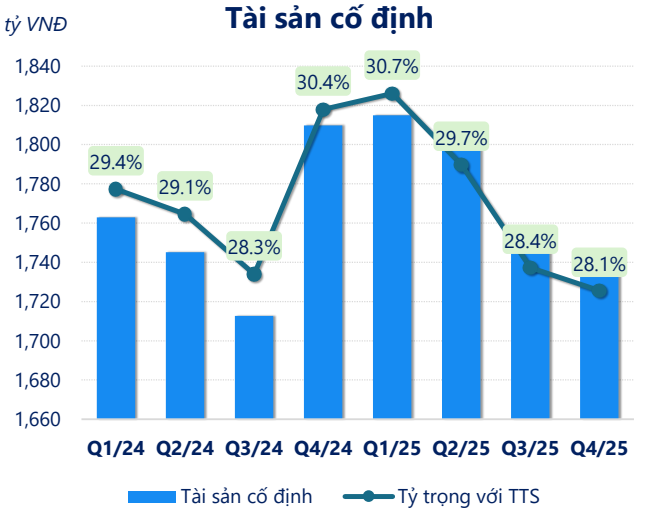

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

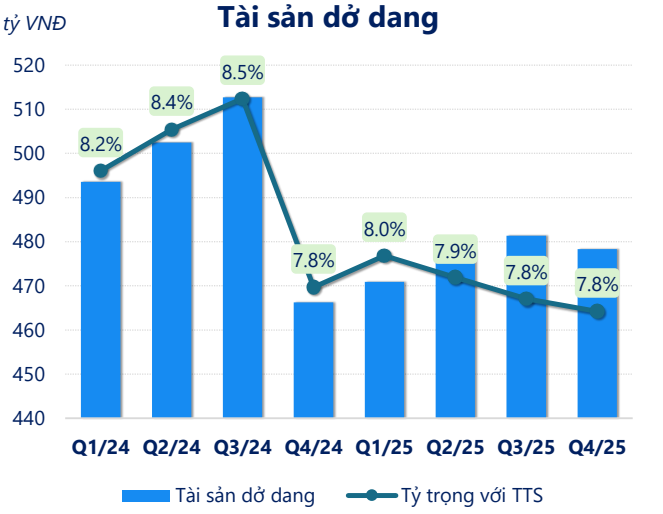

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

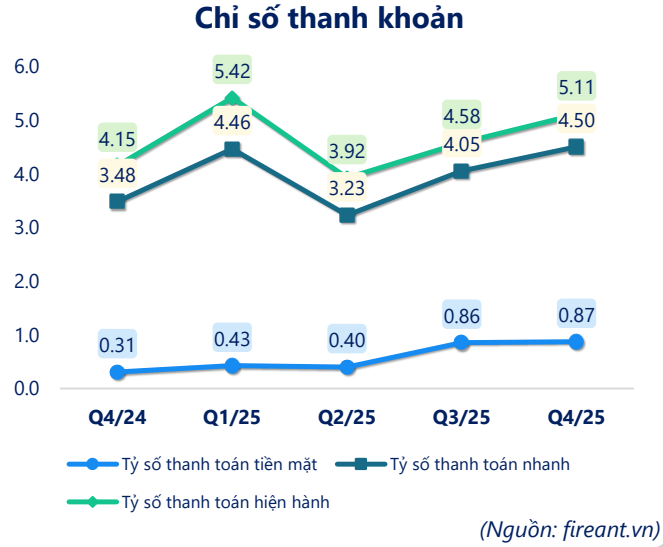

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

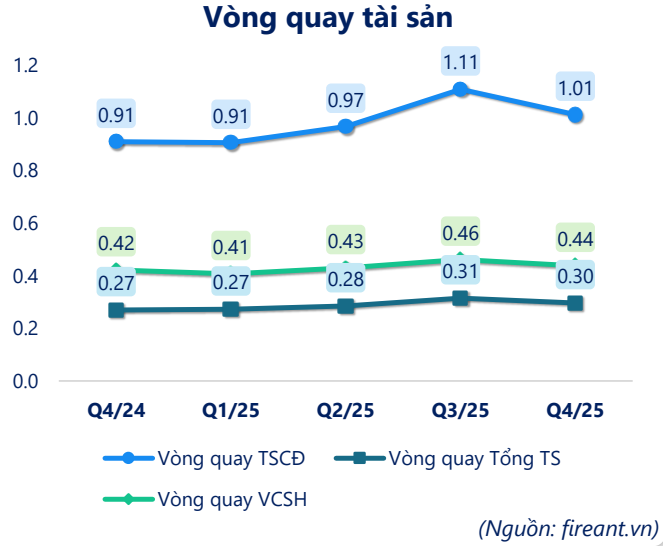

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**5,944**	**5,921**	**6,070**	**6,167**	**6,162**
Tài sản ngắn hạn	**2,573**	**2,541**	**2,693**	**2,575**	**2,643**
Tiền và tương đương tiền	190	200	275	481	451
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,683	1,652	1,651	1,408	1,612
Phải thu ngắn hạn	200	153	174	305	158
Hàng tồn kho	417	448	477	297	313
Tài sản ngắn hạn khác	83.0	88.4	117	82.9	109
Tài sản dài hạn	**3,371**	**3,380**	**3,376**	**3,592**	**3,518**
Phải thu dài hạn	0.24	0.24	0.25	0.24	0.24
Tài sản cố định	1,810	1,815	1,805	1,753	1,734
Bất động sản đầu tư	171	167	164	162	160
Tài sản dở dang	466	471	478	481	478
Đầu tư tài chính dài hạn	551	555	562	840	791
Tài sản dài hạn khác	372	371	366	355	356
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,012**	**1,859**	**2,067**	**1,935**	**1,904**
Nợ ngắn hạn	**620**	**469**	**687**	**562**	**517**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.0	95.0	85.0	45.0	21.9
Phải trả người bán ngắn hạn	46.5	17.8	46.0	37.4	40.1
Nợ dài hạn	1,393	1,390	1,381	1,372	1,387
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,932**	**4,063**	**4,002**	**4,232**	**4,257**
Vốn chủ sở hữu	**3,931**	**4,063**	**3,999**	**4,230**	**4,257**
Vốn điều lệ	1,355	1,355	1,355	1,355	1,355
Kinh phí và quỹ khác	0.69	-0.02	2.60	2.71	0.36

(Nguồn: fireant.vn)